

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Viết Vĩnh

Ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

- *Nguyên đơn chị N trình bày:* Tôi với anh Hoàng Đức H, sinh năm 1990, có tìm hiểu nhau một thời gian và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã X, ngày 02/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ chồng, tình cảm

vợ chồng tôi sống hòa thuận được hơn 02 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do chồng tôi hay đi chơi bời có hôm đi qua đêm không về và xảy ra cãi nhau, về kinh tế thì chồng tôi chủ yếu là để chơi phở và trả nợ chứ ít khi đưa tiền cho tôi nuôi con. Ngoài ra còn mâu thuẫn với gia đình nhà chồng đến tháng 6/2020 tôi không thể ở được nữa đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Tình cảm vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau nữa và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Đức H.

- *Bị đơn anh H trình bày*: Theo nội dung việc đăng ký kết hôn tự nguyện mà chị N vừa trình bày là đúng, vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Còn nguyên nhân mâu thuẫn mà chị N trình bày thì vừa rồi có xảy ra cãi nhau với mẹ tôi, tôi có tham gia nhưng không được, sau đó N về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2020 đến nay, tôi đã nhiều lần sang bảo nhưng N không về và động viên nếu không ở được thì làm nhà ở riêng để nuôi dạy con nhỏ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn quan tâm thương yêu nhau. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được đoàn tụ gia đình

2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Về con chung: Tôi và anh H có hai con là Hoàng Chí C, sinh ngày 11/8/2015 và Hoàng Chí H, sinh ngày 21/9/2017.

Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Chí H, sinh ngày 21/9/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Còn cháu Hoàng Chí C, sinh ngày 11/8/2015 để cho anh H nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H đề nghị nếu ly hôn tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Chí H, sinh ngày 21/9/2017 và Hoàng Chí C, sinh ngày 11/8/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh H đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị N và anh H đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ

chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Nhưng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Còn anh H không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn thì đề nghị được nuôi cả hai con. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn anh Hoàng Đức H có địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N yêu cầu ly hôn với anh H là do anh chơi bời cờ bạc nhiều hôm đi chơi từ tối đến sáng mới về, anh H đi làm kinh tế không bao giờ đưa tiền cho chị để nuôi con và nhiều nguyên nhân khác. Ngoài ra, chị còn mâu thuẫn với mẹ chồng và không được bố mẹ chồng coi trọng nên dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian và không thể hàn gắn được, chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh H. Còn anh H cho rằng tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chủ yếu mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, anh mong muốn chị N đoàn tụ gia đình nên anh đồng ý ly hôn. Nhưng trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân nhau anh không có biện pháp nào để giải quyết được mâu thuẫn này. Tòa án đã kiên trì hoà giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*: Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con nhỏ để cho anh H nuôi con lớn. Còn anh H đề nghị, trường hợp phải ly hôn thì anh muốn được trực tiếp nuôi hai con.

Hội đồng xét xử thấy: Chị N và anh H không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Vì vậy, cần xem xét các điều kiện như: việc làm, thu nhập và các yếu tố khác để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu sinh sống, học tập và phát triển bình thường.

+ Về điều kiện việc làm và thu nhập: Chị N, anh H đều đang làm công nhân (chị N có thu nhập lương tháng từ 08 đến 09 triệu đồng, anh H có thu nhập lương tháng từ 19 đến 20 triệu đồng); Về nhà ở cả chị N và anh H đều cùng chung sống bố mẹ đẻ. Xét thấy, cả hai đương sự đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con và mỗi người nuôi một con thì việc nuôi con sẽ tốt hơn. Xét đề của chị N là có căn cứ chấp nhận, vì cháu H hiện nay còn nhỏ mới được 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, nên cần giao cho chị Ngọc nuôi cháu Hoàng Chí H là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Chấp nhận một phần của anh H được nuôi cháu Hoàng Chí C.

2.3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị N, anh H không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên không xem xét.

2.4. *Về quyền thăm nom con*: Sau khi ly hôn, chị N và anh H không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị N, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.5. *Về Tài sản chung và công nợ chung*: Không có, nên không xem xét.

2.6. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước;

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81,82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N được ly hôn anh Hoàng Đức H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Chí H, sinh ngày 21/9/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Giao cho anh Hoàng Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Chí C, sinh ngày 11/8/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh H không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, Chị N, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết Chị N, anh H không có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000401 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã X;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

